



HỒ CHÍ MINH - HỘI NHẬP VÀ PHÁT TRIỂN

PGS.TS Bùi Đình Phong*

Từ khi Chiến tranh lạnh kết thúc, người ta nói nhiều về hội nhập và phát triển. Không ít những ý kiến cho rằng sự kết thúc Chiến tranh lạnh là mở đầu cho quá trình hội nhập của thế giới. Tư duy hội nhập được bàn đến như là một đột phá trong kỷ nguyên toàn cầu hoá. Trong khi đó, lịch sử Việt Nam và thế giới cách đây 100 năm đã ghi nhận một con người sớm có tư duy hội nhập và phát triển. Con người đó là Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. Trí tuệ và bản lĩnh của Người đang soi sáng sự phát triển của Việt Nam hôm nay và mai sau.

Sự kiện Việt Nam gia nhập WTO (7/11/2006) sau 11 năm đàm phán với 28 đối tác song phương và 14 phiên đàm phán chính thức và không chính thức là mốc lớn trong tiến trình chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam. Mốc này đã được đánh dấu cách đây 100 năm với tầm nhìn hướng ra thế giới của vị lãnh tụ thiên tài khi còn mang tên Nguyễn Tất Thành và cách đây hơn 60 năm khi Người nêu nguyện vọng của dân tộc Việt Nam vào Liên hợp quốc và muốn là bạn với tất cả các nước dân chủ. Khi vừa trở thành Chủ tịch của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà, một trong những quan tâm hàng đầu của Người là thực hiện quan hệ đối ngoại, hợp tác quốc tế trong xây dựng và phát triển kinh tế vì một Việt Nam phát triển.

1. Hội nhập để giải phóng đất nước

Cách đây 100 năm, không chấp nhận cách ứng xử “bế quan toả cảng” kiểu phong kiến và ách áp bức đế quốc thực dân, dân tộc ta với khát vọng độc lập dân tộc mạnh mẽ đã không ngừng tìm con đường canh tân đất nước. Cuộc vận động duy tân miền Trung, Duy tân hội (1905), phong trào Đông du (1905 - 1908), các phong trào Đông Kinh nghĩa thực ngoài Bắc (1907), chống thuế ở Trung Kỳ (1908)... nối tiếp nhau rầm rộ, nhưng cuối cùng đều thất bại. Chính trong thời

* Học viện Chính trị - Hành chính Quốc gia Hồ Chí Minh.

gian này, vào khoảng tháng 9 - 1905, khi đang theo học Trường tiểu học Pháp - Việt ở thành phố Vinh, anh thanh niên Nguyễn Tất Thành (một tên gọi của Hồ Chí Minh lúc trẻ) lần đầu tiên tiếp xúc với khẩu hiệu TỰ DO - BÌNH ĐẲNG - BÁC ÁI. Từ đó, Người rất muốn làm quen với nền văn minh Pháp, muốn tìm xem những gì ẩn giấu đằng sau những từ ấy. Điều này về sau được nhà báo Nga Ôxíp Mandenxtam khẳng định và nhà văn Mỹ Anna Luy Xtorông kể lại. Khi trò chuyện với nhà văn Mỹ, Người nói: “Nhân dân Việt Nam trong đó có ông cụ thân sinh ra tôi, lúc này thường tự hỏi nhau ai sẽ là người giúp mình thoát khỏi ách thống trị của Pháp. Người này nghĩ là Nhật, người khác nghĩ là Anh, có người lại cho là Mỹ. Tôi thấy phải đi ra nước ngoài xem cho rõ. Sau khi xem xét họ làm ăn ra sao, tôi sẽ trở về giúp đồng bào tôi”¹.

Trong khoảng 30 năm hoạt động ở nước ngoài, Hồ Chí Minh đã đặt cơ sở cho việc thiết lập mối quan hệ quốc tế. Người coi chủ nghĩa đế quốc ở đâu cũng là kẻ thù chung của nhân dân tiến bộ thế giới, còn nhân dân các dân tộc thuộc địa và giai cấp vô sản mọi nơi đều là bạn và phải sát cánh bên nhau trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù chung.

Từ năm 1941 đến năm 1945, Hồ Chí Minh khẳng định luôn đứng về phe Đồng minh chống phát xít và “sẵn sàng hợp tác với người Mỹ khi nào người Mỹ thấy thích hợp”. Trong bức thư đầu tiên gửi cho trung úy Mỹ Charles Fenn trong OSS (cơ quan phục vụ chiến lược của Mỹ) cuối tháng 4/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã “đề nghị cho gửi một số thanh niên sang để được huấn luyện sử dụng điện đài”².

Ngay sau Đại hội Quốc dân Tân Trào, ngày 18/8/1945, Hồ Chí Minh đã gửi thông điệp cho Chính phủ Pháp nêu ra đề nghị 5 điểm, trong đó điểm 4 là: “Chính phủ Pháp hưởng quyền ưu đãi trong kỹ nghệ và thương mại ở Việt Nam. Điểm 5 - Người Pháp có thể làm cố vấn ngoại giao”³. Cũng trong ngày này, Người đã gửi Thông điệp cho Liên hiệp quốc. Đây là thông điệp đầu tiên, được viết bằng tiếng Anh, trong đó có yêu cầu Liên hiệp quốc tôn trọng những lời hứa đẹp đẽ cho các dân tộc nhỏ, lệ thuộc có quyền tự quyết đã được ghi nhận tại các Hiến chương Đại Tây Dương và San Francisco. Ngày 18/8, Hồ Chí Minh gửi bức thư thứ tư cho Charles Fenn khẳng định: “Chiến tranh đã kết thúc. Đây là điều tốt cho mọi người. Tôi cảm thấy áy náy khi những người bạn Mỹ phải rời chúng tôi quá nhanh... Tôi trông chờ ngày hạnh phúc được gặp ông và những người bạn Mỹ của chúng ta ở Đông Dương hay trên đất Mỹ”⁴. Trong bức thư (khoảng ngày 18/8) gửi cho Ph. Tan (phụ trách điện đài, người của Đồng minh), Người viết: “Chiến tranh đã kết thúc. Mọi thứ đều thay đổi. Nhưng tình bạn của chúng ta vẫn như thế, không bao giờ thay đổi... Tôi lấy làm tiếc về những người bạn Mỹ đã rời chúng tôi quá nhanh và do đó mối quan hệ giữa chúng ta sẽ trở nên khó khăn hơn. Chúng tôi sẽ không bao giờ quên ông. Ông cũng đừng quên chúng tôi nhé! Ngày mai tươi sáng, chúng ta sẽ gặp nhau, chúng ta sẽ trông chờ ngày đó”⁵.

Hai mươi sáu ngày sau lễ Độc lập, ngày 28/9/1945, Chính phủ lâm thời công bố chính sách ngoại giao 4 điểm (do Chủ tịch Hồ Chí Minh dự thảo đã được Hội đồng Chính phủ thông qua), điểm 1 và 2 nói tới quan hệ của Việt Nam với các nước Đồng minh và với nước Pháp⁶: 1) Đối với các nước Đồng minh, Việt Nam chủ trương “hết sức thân thiện và thành thực công tác trên lập trường bình đẳng tương ái để xây đắp lại nền hoà bình của thế giới. 2) Đối với nước Pháp, Chính phủ Việt Nam sẽ bảo vệ theo luật quốc tế tính mạng và tài sản của kiều dân Pháp yên tĩnh làm ăn và tôn trọng sự độc lập của Việt Nam, nhưng đối với Chính phủ Pháp, Đờ Gôn chủ trương thống trị Việt Nam, không chịu thừa nhận nền độc lập hoàn toàn thì kiên quyết chống lại”⁶.

Ngày 17/10/1945, Hồ Chí Minh với tư cách là Chủ tịch Chính phủ lâm thời Việt Nam Dân chủ Cộng hoà có điện văn gửi Tổng thống Mỹ H. Truman đồng thời muốn truyền đạt tới Liên hợp quốc cùng các vị đứng đầu các cường quốc xung quanh sự kiện thành lập Ủy ban Tư vấn đối với khu vực Viễn Đông. Theo Hồ Chí Minh, Việt Nam hoàn toàn ủng hộ việc thành lập Ủy ban Tư vấn này và có đủ điều kiện cử đại diện vào Ủy ban Tư vấn là Việt Nam chứ không phải là Pháp. Bởi vì từ ngày 19/8/1945, Chính phủ lâm thời Việt Nam trên thực tế đã là một chính phủ độc lập về mọi phương diện. Tin chắc rằng tại Ủy ban này, Việt Nam có thể mang lại sự đóng góp có hiệu quả cho việc giải quyết các vấn đề còn tồn tại ở Viễn Đông⁷. Đúng 5 ngày sau, ngày 22/10/1945, Hồ Chí Minh lại có Thư gửi Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ Franes Brynes khẳng định lại việc thành lập Ủy ban tư vấn Viễn Đông và vấn đề liên quan tới Việt Nam được thảo luận tại cuộc họp đầu tiên của Ủy ban Tư vấn Viễn Đông.

Một ngày sau đó, ngày 23/10, trả lời các nhà báo về thái độ hiện thời của Chính phủ Việt Nam đối với Trung Hoa và Pháp, Hồ Chí Minh nêu rõ lập trường: “Chúng ta không chống tất cả nước Pháp, tất cả dân chúng Pháp. Nếu có những người Pháp muốn qua đây, điều đình một cách hoà bình..., lẽ tất nhiên chúng ta sẽ hoan nghênh... Có thể rằng: chúng ta hoan nghênh những người Pháp muốn đem tư bản vào xứ ta khai thác những nguồn nguyên liệu chưa có ai khai thác. Có thể rằng: chúng ta sẽ mời những nhà chuyên môn Pháp, cũng như Mỹ, Nga hay Tàu đến đây giúp việc cho chúng ta trong cuộc kiến thiết quốc gia”⁸.

Cũng trong Thư gửi Bộ trưởng Ngoại giao Hoa Kỳ Franes Brynes ngày 1/11/1946, nhân danh Chủ tịch Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và nhân danh Hội Văn hoá Việt Nam, Hồ Chí Minh “bày tỏ nguyện vọng của Hội, được gửi một phái đoàn khoảng năm mươi thanh niên Việt Nam sang Mỹ với ý định một mặt thiết lập những mối quan hệ văn hoá thân thiết với thanh niên Mỹ, và mặt khác để xúc tiến việc tiếp tục nghiên cứu về kỹ thuật, nông nghiệp cũng như các lĩnh vực chuyên môn khác... Tha thiết mong muốn tạo được mối quan hệ với nhân dân Mỹ là những người mà lập trường cao quý đối với những lý

tưởng cao thượng về công lý và nhân bản quốc tế, và những thành tựu kỹ thuật hiện đại của họ đã có sức hấp dẫn mạnh mẽ với giới trí thức Việt Nam”⁹.

Trong khi kết tội bọn xâm lược, hiếu chiến ở nhiều nước vi phạm hiến chương Đại Tây Dương và San Francisco, Hồ Chí Minh vẫn tuyên bố với thế giới quan điểm thiết lập quan hệ đối tác toàn cầu vì hoà bình, thịnh vượng chung. Ngày 14/1/1946, Hồ Chí Minh đã có điện văn gửi các ông Ăngđrê Grômucô - (đại diện Liên Xô), Giêm Biécơ (Bộ trưởng Ngoại giao Mỹ), bác sỹ Cố Duy Quân - (đại diện Trung Quốc). Cùng ngày, Người có điện gửi cho Chủ tịch Hội đồng Liên hợp quốc Hangri Xpát. Cả hai bức điện đều bày tỏ nguyện vọng “Quốc dân chúng tôi đã giành được độc lập và giữ vững nền độc lập, thiết tha yêu cầu các ngài công nhận nền độc lập ấy và nhận chúng tôi vào Hội đồng Liên hợp quốc... Chúng tôi tin rằng sự có mặt của chúng tôi trong Hội nghị sẽ có ích nhiều cho việc giải quyết một cách nhanh chóng và hoà bình cho các vấn đề ở Đông - Nam Á châu hiện nay”¹⁰.

Đây là lần đầu tiên thay mặt nhân dân Việt Nam, Hồ Chí Minh gửi điện yêu cầu các nước lớn và Liên hợp quốc không chỉ công nhận nền độc lập của chúng ta mà còn kết nạp chúng ta vào Hội đồng Liên hợp quốc. Với tinh thần xuyên suốt đó, hơn một tháng sau, ngày 18/2/1946, trong Công hàm gửi chính phủ các nước: Trung Quốc, Hợp chủng quốc Hoa Kỳ, Liên bang Xôviết và Vương quốc Anh, Người khẳng định lại bốn phận của chúng ta cùng các nước lớn “bắt tay vào xây dựng lại thế giới nhằm đặt ra ngoài vòng pháp luật vô thời hạn, một mặt là chiến tranh, áp bức, bóc lột và mặt khác và bản cùng, khiếp sợ và bất công. Người khẳng định việc đưa vấn đề Đông Dương ra trước Liên hợp quốc “sẽ cho phép chúng tôi hợp tác với các quốc gia khác trong việc xây dựng nên một thế giới tốt đẹp hơn và một nền hoà bình bền vững. Những nguyện vọng đó là chính đáng và sự nghiệp hoà bình thế giới phải được bảo vệ”¹¹.

Trong năm 1946 (khoảng tháng 12/1946), trong *Lời kêu gọi* Liên hợp quốc (nước Anh, Trung Quốc, Hoa Kỳ, Liên Xô và các nước thành viên khác của Liên hợp quốc), một lần nữa Hồ Chí Minh đã đề xuất những định hướng rõ ràng cho đất nước về mở cửa và hội nhập với khu vực và kinh tế quốc tế. Trong chính sách đối ngoại, Người nêu rõ 2 nguyên tắc, trong đó điểm 2 là: “Đối với các nước dân chủ, Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực: a) Nước Việt Nam dành sự tiếp nhận thuận lợi cho đầu tư của các nhà tư bản, nhà kỹ thuật nước ngoài trong tất cả các ngành kỹ nghệ của mình. b) Nước Việt Nam sẵn sàng mở rộng các cảng, sân bay và đường sá giao thông cho việc buôn bán và quá cảnh quốc tế. c) Nước Việt Nam chấp nhận tham gia mọi tổ chức hợp tác kinh tế quốc tế dưới sự lãnh đạo của Liên hợp quốc...”¹².

Ngày 16/7/1947, khi trả lời một nhà báo nước ngoài, Hồ Chí Minh khẳng định: “Chúng tôi rất hoan nghênh tư bản Pháp và tư bản các nước khác thật thà cộng tác với chúng tôi. Một là để xây dựng lại Việt Nam sau lúc bị chiến tranh tàn phá, hai là điều hoà nền kinh tế thế giới và giữ gìn hoà bình”¹³. Tháng 3/1949, trả

lời một nhà báo nước ngoài, Người nói rõ chủ trương mở rộng quan hệ quốc tế sau khi hoà bình lập lại: “Việt Nam sẽ đứng với tất cả các nước bầu bạn”¹⁴; về ngoại thương, Việt Nam sẽ giao dịch với tất cả các nước nào trên thế giới muốn giao dịch với Việt Nam một cách thật thà”¹⁵. Ngày 22/6/1947, cũng trả lời một nhà báo nước ngoài, Người nói: “Việt Nam có nhiều phụ nguyên, chúng tôi rất hoan nghênh tư bản Pháp và tư bản các nước cộng tác thật thà với chúng tôi”. Ngày 20/4/1949, trả lời phỏng vấn của báo Tribune (Diễn đàn), Người lại khẳng định: “Việt Nam sẵn sàng cộng tác thân thiện với nhân dân Pháp. Những người Pháp tư bản hay công nhân, thương gia hay trí thức, nếu họ muốn thật thà cộng tác với Việt Nam thì sẽ được nhân dân Việt Nam hoan nghênh họ như anh em bầu bạn”¹⁶.

Tóm lại, tầm nhìn của Hồ Chí Minh là rộng mở và nhân văn. Quyền sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc của mọi người và mọi dân tộc là quyền trời cho. Giải phóng dân tộc là lẽ phải, điều hiển nhiên của tất cả các dân tộc bị áp bức, nô lệ. Vì vậy, hợp tác với tất cả mọi lực lượng tiến bộ để đem lại một giá trị cho dân tộc mình cũng là giá trị của nhân loại là một trí tuệ sáng giá của Hồ Chí Minh. Đó là tiền đề, nền tảng cho sự phát triển bền lâu.

2. Hội nhập vì phát triển, để phát triển

Hồ Chí Minh đã có tầm nhìn và đặt nền tảng cho sự phát triển Việt Nam khi còn thực hiện sứ mạng giải phóng đất nước. Khi miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh khẳng định: “Chúng ta đoàn kết chặt chẽ với nhân dân các nước bạn. Chúng ta sẽ dựa theo 5 nguyên tắc lớn của bản tuyên bố Trung - Ấn và Trung - Myanmar để gây quan hệ hữu hảo đối với hai chính phủ nhà vua Myanmar và Lào. Chúng ta phát triển quan hệ hữu hảo với các nước Đông - Nam Á. Đối với nước Pháp, chúng ta sẽ cố gắng lập lại mối quan hệ kinh tế và văn hoá trên nguyên tắc bình đẳng và hai bên đều có lợi. Chúng ta đoàn kết với nhân dân Pháp và nhân dân yêu chuộng hoà bình trên thế giới”¹⁷.

Khi đế quốc Mỹ bắt đầu tiến hành chiến tranh cục bộ ở miền Nam và gây chiến tranh phá hoại ở miền Bắc, trong cuộc tiếp và nói chuyện thân mật với phái viên của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Italia, giáo sư luật học La Para, Hồ Chí Minh nêu lên quan điểm: Chúng tôi sẵn sàng trải thảm đỏ và rắc hoa cho Mỹ rút lui. Nội dung này được nhắc lại một lần nữa khi Người tiếp phái viên của Tổng thống Pháp Xanhtony ngày 5/7/1966. Trung tuần tháng 1/1967, khi cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam của Mỹ đang ở đỉnh cao, trong buổi tiếp đoàn đại biểu của Toà án Quốc tế sang Việt Nam điều tra tội ác chiến tranh của đế quốc Mỹ, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Chúng tôi nói với nhân dân chúng tôi rằng họ phải sẵn sàng hoan nghênh nhân dân Mỹ không phải khi họ đến như hiện nay với những người lính mang vũ khí - nhưng khi họ đến một lần nữa trong tương lai để giúp đỡ xây dựng đất nước chúng tôi... Các ông hãy tin tôi khi tôi nói rằng tôi sẽ rất sung sướng khi đón tiếp Tổng thống Mỹ đến đây một cách hoà bình. Chúng tôi chìa bàn tay hữu nghị ra với bất kỳ quốc gia nào thừa nhận Việt Nam là một nước tự do và độc lập”¹⁸.

3. Hồ Chí Minh - Việt Nam: hội nhập và phát triển

Như vậy là lộ trình 11 năm dẫn tới gia nhập WTO của Việt Nam đã được khởi nguồn cách đây 100 năm khi Hồ Chí Minh quyết định đi ra thế giới, hoà nhập vào thời đại với tinh thần chủ động, độc lập tự chủ. Trên nền tảng vững chắc đó, cách đây hơn 60 năm, ngay sau khi nước ta vừa giành được độc lập, Người đã thể hiện khát vọng đưa nước ta vào Hội đồng Liên hợp quốc bằng cách đề nghị các nước chấp nhận yêu cầu của Việt Nam. Sau đó, Người có cả một lộ trình đặt cơ sở để chúng ta vào sân chơi lớn của thị trường thương mại toàn cầu với khát vọng hợp tác vì hoà bình và phát triển. Tâm nhìn và bản lĩnh Hồ Chí Minh chính là nền tảng cho đường lối và chính sách của Đảng về mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế. Nền tảng đó có thể được nhìn nhận trên một số phương diện sau:

Một, trên cơ sở phép biện chứng duy vật và tổng kết lịch sử, phải có tâm nhìn về những vấn đề có tính quy luật, xu thế khách quan của lịch sử nhân loại, mà vấn đề đang bàn ở đây là toàn cầu hoá. Theo nhiều nhà khoa học, trước khi diễn ra kỷ nguyên toàn cầu hoá hiện nay dựa trên thành quả của nền kinh tế tri thức và cuộc cách mạng khoa học - công nghệ, lịch sử nhân loại đã chứng kiến ba lần toàn cầu hoá; lần thứ nhất vào thế kỷ XV - các nước tư bản châu Âu chinh phục thế giới; lần thứ hai bắt đầu từ giữa thế kỷ XIX, phương Tây chinh phục phương Đông; lần thứ ba trong vòng khoảng 40 năm, từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai đến những năm 80 thế kỷ XX, các nước thuộc địa sau khi giành được độc lập về chính trị, tìm kiếm cho mình con đường phát triển trong mối quan hệ chung của cộng đồng thế giới. Hồ Chí Minh đã nhận rõ quy luật này từ đầu thế kỷ XX, đặc biệt sau khi Chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc.

Hai, phải có trí tuệ và bản lĩnh ra biển lớn với tư duy toàn cầu, hoà nhập vào đại dương, thâm nhập và khám phá thế giới. Cần có thái độ cầu thị “xem người ta làm như thế nào” để cứu nước mình, và phải có bản lĩnh, trí tuệ nhận rõ xu thế của thời đại về sự gắn kết và phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia dân tộc theo xu thế tiến bộ. Từ trí tuệ, bản lĩnh và gắn liền với nó là phương pháp và cách xử thế, mà hàng đầu là “dĩ bất biến ứng vạn biến” để thấy rằng làm cách mạng là phải nắm được cái “bất biến”, nhưng phải luôn biết “vạn biến”. Vạn biến mà không nguy hại tới “bất biến”; “vạn biến” đến đâu và như thế nào phải tùy thuộc vào hoàn cảnh lịch sử cụ thể.

Ba, với dân tộc chúng ta, 100 năm qua cho thấy là phải luôn nuôi dưỡng và giữ vững khát vọng độc lập dân tộc và định hướng đúng đắn của sự phát triển dưới sự lãnh đạo của Đảng, trên nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, bình đẳng, cùng có lợi. Thống nhất được mục tiêu của dân tộc là “hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp cách mạng thế giới” như ý nguyện của Hồ Chí Minh trong *Di chúc* với

mục tiêu của thời đại “hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội” là một trong lời giải thông minh để Việt Nam phát triển.

Bốn, phải có tinh thần độc lập, tự cường, tự chủ. Hồ Chí Minh đã dạy “Có tự lập mới độc lập, có tự cường mới tự do”. Một trong những vấn đề ngoại giao quan trọng nhất theo Hồ Chí Minh là “phải trông ở thực lực. Thực lực mạnh, ngoại giao sẽ thắng lợi. Thực lực là cái chiêng mà ngoại giao là cái tiếng. Chiêng có to tiếng mới lớn”. Đồng thời phải có tư duy chính trị nhạy bén, “làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai” như Chủ tịch Hồ Chí Minh trả lời nhà báo Mỹ S. Êly Mâyxi (9/1947). Tư duy toàn cầu ngày nay cho thấy rằng không phải chỉ hội nhập thì mới phát triển, mà phải thấy không hội nhập thì chết.

Ngày nay, thế giới đã và sẽ còn nhiều đổi thay, nhưng tinh thần Hồ Chí Minh về hội nhập để phát triển không bao giờ thay đổi.

CHÚ THÍCH

- ¹ Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử*, tập 1, NXB Thông tin lý luận, Hà Nội, 1992, tr.47 - 48.
- ² Viện Nghiên cứu chủ nghĩa Mác- Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh, *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử*, tập 2, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1993, tr.226.
- ³ *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử*, tập 2, sđd, tr.264.
- ⁴ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 3, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.550.
- ⁵ *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử*, tập 2, sđd, tr.266.
- ⁶ Xem, PGS.TS Phạm Xanh, *Góp phần tìm hiểu lịch sử quan hệ Việt Nam - Hoa Kỳ*, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006, tr.73 - 74.
- ⁷ Xem, Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, sđd, tr.52 - 53.
- ⁸ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, sđd, tr.73 - 74.
- ⁹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, sđd, tr.80 - 84
- ¹⁰ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, sđd, tr.157.
- ¹¹ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, sđd, tr.182.
- ¹² Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 4, sđd, tr.470.
- ¹³ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 5, sđd, tr.170.
- ¹⁴ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 5, sđd, tr.576.
- ¹⁵ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 5, sđd, tr.578.
- ¹⁶ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 5, sđd, tr.587.
- ¹⁷ Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 7, sđd, tr.430.
- ¹⁸ *Hồ Chí Minh biên niên tiểu sử*, tập 10, sđd, tr.21.